

Bản án số: 55/2020/DS-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Quốc

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐST - DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn:

1/ Ông Trần Văn T (có mặt)

2/ Bà Hồ Thị N (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp P, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ngày 21/01/2018 ông T, bà N có vay của bà 25.000.000 đồng, có làm giấy nợ, thỏa thuận lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, bị đơn đóng lãi 09 tháng thì không đóng nữa. Đến ngày 04/5/2018 bà N có mượn của chồng bà là ông B 10.000.000 đồng, khi vay chồng bà N là ông T không biết, không làm giấy nợ, thỏa thuận lãi suất 500.000 đồng/tháng, bà lấy lãi tháng thứ nhất được 500.000 đồng, tháng thứ hai là 200.000 đồng và ngưng đến nay. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 35.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 25.000.000 đồng.

Tại các lời khai của bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Năm 2018 vợ chồng ông có vay của bà Th, ông B 25.000.000 đồng, có làm giấy nợ, thỏa thuận lãi suất từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng, đóng lãi được 09 tháng, tổng tiền lãi đóng gần 16.000.000 đồng. Sau đó ông có vay của ông B 10.000.000 đồng. không làm giấy nợ, không nhớ ngày tháng vay, ông đã trả 10.000.000 đồng cho ông B, không nhớ trả ngày nào, ông đưa trực tiếp cho ông B. Vợ chồng ông đồng ý trả 25.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ.

Bà Hồ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Th, ông không có nhận số tiền 10.000.000 đồng như ông T trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Hồ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Bà Th khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 25.000.000 đồng và cung cấp biên nhận nợ do ông T, bà N ký ngày 21/01/2018. Ông T cũng thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà Th, ông B 25.000.000 đồng và đồng ý trả số nợ trên, nhưng xin được trả dần. Nguyên đơn khởi kiện đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông T yêu cầu được trả dần số nợ thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu là $25.000.000 \times 5\% = 1.250.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

Buộc ông Trần Văn T và bà Hồ Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Th 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T và bà Hồ Thị N phải chịu 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Th 875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0004246 ngày 16/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Ngô Huỳnh